

Số: 106 /2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2018/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 40/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 287/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 11 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bao gồm:

a) Phân cấp quản lý công trình thủy lợi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15; khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT.

b) Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15; điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại và phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 30 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân được giao quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường:

a) Quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn xã, phường

- Công trình đập, hồ chứa nước: Đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³.

- Công trình thủy lợi có diện tích tưới dưới 50 ha/năm.

b) Phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường:

Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi vừa trên địa bàn xã/phường, trừ công trình thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 xã, phường trở lên.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bãi bỏ số thứ tự 01, 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Đối với các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân đang quản lý, khai thác và bảo vệ nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định này, các tổ chức, cá nhân thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện. Việc bàn giao, tiếp nhận quản lý và giao tổ chức, cá nhân khai thác, bảo vệ công trình hoàn thành trong năm 2026.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Như Điều 3; (thi hành)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐTXD (TL).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Gia Long